

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 14/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.
2. Bà Lê Thị Bé Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Q T**, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997, tại: huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Dày 2, xã Chấn T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Q Tân và bà Phạm Thị Bình; vợ: Phạm Thị T, sinh năm: 2000, con: 01 người sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Ngày 02/8/2024, bị khởi tố và bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: **Phạm Tuấn T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Kiên Sơn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Phạm Thị T**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn Trung Chính, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

2/ **Lê Anh Q**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Khu 12, phường Phả Lại, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 28/12/2023, Nguyễn Q T điều khiển xe mô tô (Mượn của người ở chung phòng trọ không rõ nhân thân và biển kiểm soát) đang lưu thông trên đoạn đường Đồng Khởi thuộc tổ 1 khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K thì nhìn thấy Phạm Tuấn T chạy xe mô tô theo chiều ngược lại, đang nói chuyện lớn tiếng vãn tục, T cho rằng T đang xúc phạm mình nên đi về nhà trọ gần khu vực chùa Ông Bảy lấy 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 40cm (phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 30cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài khoảng 10cm) quay lại tìm T. Khi T điều khiển xe mô tô đến căn nhà số 10 đường Đồng Khởi thuộc tổ 1, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, nhìn thấy T đang ngồi trên xe dừng ở bên đường. Lúc này T dựng xe mô tô bên lề đối diện và đi bộ qua đường nói chuyện với T “mày làm ăn ở đây đừng có bỏ láo” vừa nói xong T lấy cây dao đã chuẩn bị từ trước chém 02 nhát vào cánh tay trái của T gây thương tích. Sau đó T bỏ đi đến đoạn kênh gần cầu Tư Đăng, phía sau chùa Ông Bảy ném con dao xuống kênh và bỏ trốn. Còn T được người dân đưa đến Trạm y tế huyện K, sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang để điều trị vết thương.

- *Vật chứng vụ án không thu giữ được:* Cơ quan công an đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được: 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 40cm (phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 30cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài khoảng 10cm), đã qua sử dụng.

*** Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 25/KLTTCT-PY ngày 09/01/2024 của Trung T pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Phạm Tuấn T như sau:**

1. Các kết quả chính:

Vết thương cánh – khuỷu – cẳng tay trái, gãy (đứt) chỏm xương quay, gãy (đứt) mỏm khuỷu, đứt dây chằng vòng, khớp quay trụ trên, đứt thần kinh trụ, gân cơ duỗi chung các ngón, cơ cánh tay quay, đứt động mạch bên trụ trái và đứt các nhánh tĩnh mạch nhỏ vùng khuỷu, đã được phẫu thuật điều trị. Hiện xương chưa liền, tổn thương nhánh thần kinh quay và tổn thương hoàn toàn thần kinh trụ trái gây hạn chế vận động khớp khuỷu.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y T thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Tuấn T tại thời điểm giám định là 52% (Năm mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Vật gây thương tích: Vật có cạnh sắc.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSKL ngày 04/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Q T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, cha bị cáo là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng III, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ bị bệnh tăng động tự kỷ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Q T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định.

- Về phân trách nhiệm hình sự và bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất ngày công lao động, tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại, đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng nên số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường là 100.000.000 đồng.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng của vụ án, kết luận giám định pháp y về thương tích, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 17 giờ ngày 28/12/2023, trên đường Đồng Khởi thuộc khu vực tổ 1, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, Nguyễn Q T đã có hành vi dùng dao chém 02 nhát vào vùng tay trái của Phạm Tuấn T gây thương tích, qua giám định có tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 52% (Năm mươi hai phần trăm). Do đó, hành vi dùng hung khí gây ra thương tích của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích quy định điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, bồi thường một phần thiệt hại, cha bị cáo là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng III, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ bị bệnh tăng động tự kỷ. Nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng nằm trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thống nhất bồi thường số tiền 200.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại, bị cáo đã bồi thường số tiền 100.000.000 đồng nên số tiền bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại là 100.000.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào:

Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Điều 585; Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Q T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt Nguyễn Q T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/8/2024.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Phạm Tuấn T số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 100.000.000 đồng nên số tiền bị cáo phải bồi thường thêm cho anh T là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự là 5.000.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

Nguyễn Văn Pho